

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 207 /SGTVT - GT

Bình Phước, ngày 04 tháng 03 năm 2016

V/v Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường địa phương theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT.

Kính gửi: Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ - Tổng cục đường bộ Việt Nam.

Sở GTVT nhận được văn bản số 703/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 19/02/2016 về việc nhắc thực hiện công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT.

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Căn cứ văn bản số 6221/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 12/11/2015 về việc công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT.

Sau khi rà soát toàn bộ hệ thống cầu, đường thuộc hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Sở GTVT tỉnh Bình Phước báo cáo Tổng cục đường bộ Việt Nam số liệu thực hiện việc công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT như sau:

(Đính kèm Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

Sở GTVT tỉnh Bình Phước báo cáo Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ - Tổng cục đường bộ Việt Nam tổng hợp. mt

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.QLCL (H.119)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Hiệp

PHỤ LỤC 1: BÁO THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG TÀI TRỌNG CỦA CẦU THẠCH ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo văn bản số 207/SGTVT-CLCT ngày 04/02/2016 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước)

TT	Quốc lộ/ Đường tỉnh	Tên cầu	Lý trình	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu	Bề rộng xe chạy	Tải trọng thiết kế (Tấn)	Tải trọng thực tế			Ghi chú
									11A	11B	11C 11D	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11A	11B	11C 11D	
1		Cầu Suối Rạt	Km86+500	56	3	9,7	8,7	H30 - XB80	KCB			
2		Cầu Suối Dung	Km123+240	18,6	1	22,2	18,4	H30 - XB80	KCB			
3		Cầu Thác Mẹ	Km125+190	100	4	8,6	7	H30 - XB80	KCB			
4	ĐT.741	Cầu Đắc Sơn	Km133+170	15	1	9	7	25			25	
5		Cầu Phú Nghĩa	Km140+500	24	1	9	7	25			25	
6		Cầu Đắc O	Km160+045	15	1	9	7	25			25	
7	ĐT.751	Cầu Bà Và	Km8+100	33,7	1			H30 - XB80	KCB			Bình Dương quản lý
8	ĐT.752	Cầu Sài Gòn 1	Km16+788	70,4	3			H30 - XB80	KCB			Tây Ninh quản lý
9		Cầu Rạt nhỏ	Km1+590	16	1	6,6	6	18			18	
10	ĐT.753	Cầu Rạt lớn	Km2+120	49,08	2	9,6	7	HL93	KCB			
11		Cầu Cứ	Km8+950	18,6	1	9,6	7	HL93	KCB			
12		Cầu số 3	Km1+000	18,6	1	10	7	H30 - XB80	KCB			
13	ĐT.754	Cầu Sài Gòn 2	Km12+251	58	3	10	7	H30 - XB80	KCB			
14	ĐT.754B	Cầu số 1	Km1+616	25,54	1	10	7	H30 - XB80	KCB			
15		Cầu số 2	Km3+814	33	1	10	7	H30 - XB80	KCB			
16	ĐT.755	Cầu số 1	Km1+980	18,6	1	5,8	4	18			18	
17		Cầu số 2	Km4+540	18,6	1	5,8	4	18			18	
18		Cầu số 3	Km5+750	18,6	1	5,8	4	18			18	
19		Cầu số 1	Km1+479	24,54	1	25,4	9	HL93	KCB			
20	ĐT.755B	Cầu số 2	Km25+284	37	3	48,5	9	HL93	KCB			
21		Cầu số 3	Km30+113	37	3	45,7	9	HL93	KCB			
22		Cầu Phước Cát	Km36+600	133	4	133						Lâm Đồng đang quản lý



23		Cầu Suối Nghiến	Km5+170	49,08	2	9,6	7	H'	XB80	KCB		
24		Cầu số 2	Km14+740	12,5	1	9,6	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
25		Cầu số 3	Km26+580	33	1	9,4	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
26	ĐT.756	Cầu số 4	Km28+790	6	1	7,4	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
27		Cầu số 5	Km31+440	6	1	7,4	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
28		Cầu số 6	Km35+930	12,5	1	9,4	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
29		Cầu Bù Linh	Km46+210	24,54	1	9,4	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
30		Cầu Suối Đam	Km0+655	18,6	1	10	9	HL93	HL93	KCB		
31		Cầu Trà Thanh	Km12+771	157	5	10	9	H30 - XB80	XB80	KCB		
32	ĐT.757	Cầu Bà Nùng	Km31+758	18,6	1	10	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
33		Cầu Suối Đá	Km34+311	18,6	1	10	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
34		Cầu Đra	Km6+990	18,6	1	9	8	HL93	HL93	KCB		
35		Cầu Suối Đré	Km9+625	18,6	1	9	8	HL93	HL93	KCB		
36	ĐT.758	Cầu Sông Bé 1	Km13+825	123,5	4	9	8	HL93	HL93	KCB		
37		Cầu Bù Na	Km0+030	18,6	1	9	8	HL93	HL93	KCB		
38		Cầu Đakia	Km41+350	49,54	3	6,3	5,5	18	18		18	
39		Cầu Sông Bé 2	Km43+500	133	4	9,7	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
40		Cầu Hưng Phước 1	Km31+400	7	1	9	7	H30 - XB80	XB80	0		
41	ĐT.759B	Cầu Hưng Phước 2	Km32+151	9	1	9	7	H30 - XB80	XB80	KCB		
42		Cầu Sông Măng (Cầu Hoàng Diệu cũ)	Km40+650	18,6	1	12	11	HL93	HL93	KCB		
43		Cầu Đắk Lấp	Km1+657	84	3	6,7	7	18	18		18	
44	ĐT.760	Cầu số 5	Km4+377	36	2	6,3	5,7	18	18		18	
45		Cầu Bom Rĩa	Km10+096	18,6	1	9,1	8,5	H30 - XB80	XB80	KCB		
46		Cầu Đắk Nhau	Km11+222	50	2	9,6	8	H30 - XB80	XB80	KCB		
47		Cầu Đắk Lung 2	Km26+504	99	3	9	6	HL93	HL93			Đang xây dựng mới
48		Cầu Đắk O 2	Km33+864	33	1	7,6	7	18	18		18	



PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG CẤP ĐƯỜNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG THUỘC BÌNH

(Kèm theo văn bản số **ĐT/SGTVT-CLCT** ngày **02/02/2016** của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước)

TT	Quốc lộ / đường tỉnh	Lý trình		Cấp đường	Vị trí hạn chế khổ giới hạn so với cấp đường				Ghi chú
		Từ Km	Đến Km		Lý trình	Bề rộng hạn chế	Chiều cao hạn chế	Lý do hạn chế	
1	ĐT.741	Km49+537	Km118+200	Cấp III, đồng bằng					Thuộc dự án BOT
		Km118+200	Km163+450	Cấp IV, đồng bằng					
		Km163+450	Km185+345	Cấp IV, vùng núi					
2	ĐT.751	Km0+000	Km8+100	Cấp IV, đồng bằng					
3	ĐT.752	Km0+000	Km16+788	Cấp IV, đồng bằng					
4	ĐT.753	Km0+000	Km30+000	Cấp III, vùng núi					
5	ĐT.754	Km0+000	Km12+251	Cấp IV, đồng bằng					
6	ĐT.754B	Km0+000	Km9+916	Cấp III, vùng núi					
7	ĐT.755	Km0+000	Km23+000	Cấp V, vùng núi	Km1+980	4,0/3,5		Cầu hẹp	(4/6m) là theo quy hoạch Cấp đường tuyến ĐT.755 thuộc Cấp III, vùng núi thì các cầu trên tuyến ĐT.755 sẽ bị hạn chế khổ giới hạn
					Km4+540	4,0/3,5 (4/6)		Cầu hẹp	
					Km5+750	4,0/3,5 (4/6)		Cầu hẹp	
8	ĐT.755B	Km0+000	Km33+600	Cấp III, vùng núi					Còn một số đoạn đang thi công
9	ĐT.756	Km0+000	Km50+332	Cấp IV, đồng bằng					
10	ĐT.757	Km0+000	Km35+966	Cấp IV, đồng bằng					
11	ĐT.758	Km0+000	Km24+292	Cấp IV, đồng bằng					
12	ĐT.759	Km0+000	Km10+000	Cấp IV, đồng bằng					
		Km10+000	Km49+461	Cấp III, đồng bằng	Km41+350	5,5/7,0		Cầu hẹp	Đang thi công
13	ĐT.759B	Km0+000	Km24+250	Cấp II, đồng bằng					
		Km24+250	Km40+500	Cấp IV, đồng bằng					
14	ĐT.760	Km0+000	Km53+950	Cấp 4, vùng núi					

